

NGHỊ QUYẾT

**Về số lượng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường
ở từng quận trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về số lượng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở từng quận trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua số lượng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở từng quận trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khi triển khai thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị như sau:

1. Biên chế công chức bình quân làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là 15 người, được tính trên tổng số phường của một quận.

2. Tổng số biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường ở từng quận trên địa bàn thành phố cụ thể như sau:

- a) Quận Hải Châu (13 phường): 195 người
- b) Quận Thanh Khê (10 phường): 150 người
- c) Quận Sơn Trà (7 phường): 105 người
- d) Quận Ngũ Hành Sơn (4 phường): 60 người

đ) Quận Liên Chiểu (5 phường): 75 người

e) Quận Cẩm Lệ (6 phường): 90 người

(Biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở từng quận theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này)

3. Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng công chức của từng vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường; bảo đảm hợp lý, phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng phường, nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng công chức để tổ chức chính quyền đô thị tại phường hiệu lực, hiệu quả.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 cho đến khi Quốc hội quyết định chấm dứt việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân quận thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về số lượng biên chế công chức phường ở từng quận trên địa bàn thành phố;

b) Quy định về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức phường thuộc biên chế công chức quận theo quy định tại Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 -2021, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

Phụ lục
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG Ở TỪNG
QUẬN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Nghị quyết số 356 NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Quận/Phường	Biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở quận
I	QUẬN HẢI CHÂU	195
1	Phường Thanh Bình	15
2	Phường Thuận Phước	15
3	Phường Thạch Thang	16
4	Phường Hải Châu I	16
5	Phường Hải Châu II	16
6	Phường Phước Ninh	14
7	Phường Hòa Thuận Tây	15
8	Phường Hòa Thuận Đông	15
9	Phường Nam Dương	14
10	Phường Bình Hiên	14
11	Phường Bình Thuận	14
12	Phường Hòa Cường Bắc	16
13	Phường Hòa Cường Nam	15
II	QUẬN THANH KHÊ	150
1	Phường Tam Thuận	15
2	Phường Thanh Khê Tây	15
3	Phường Thanh Khê Đông	14
4	Phường Xuân Hà	15
5	Phường Tân Chính	15
6	Phường Chính Gián	15

STT	Quận/Phường	Biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở quận
7	Phường Vĩnh Trung	15
8	Phường Thạc Gián	15
9	Phường An Khê	16
10	Phường Hòa Khê	15
III	QUẬN SƠN TRÀ	105
1	Phường Thọ Quang	16
2	Phường Nại Hiên Đông	16
3	Phường Mân Thái	14
4	Phường An Hải Bắc	16
5	Phường Phước Mỹ	15
6	Phường An Hải Tây	14
7	Phường An Hải Đông	14
IV	QUẬN NGŨ HÀNH SƠN	60
1	Phường Mỹ An	15
2	Phường Khuê Mỹ	15
3	Phường Hoà Quý	15
4	Phường Hoà Hải	15
V	QUẬN LIÊN CHIÊU	75
1	Phường Hòa Hiệp Bắc	15
2	Phường Hòa Hiệp Nam	15
3	Phường Hòa Khánh Bắc	15
4	Phường Hòa Khánh Nam	15
5	Phường Hòa Minh	15

STT	Quận/Phường	Biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở quận
VI	QUẬN CẨM LỆ	90
1	Phường Khuê Trung	15
2	Phường Hòa Phát	15
3	Phường Hòa An	15
4	Phường Hòa Thọ Tây	15
5	Phường Hòa Thọ Đông	14
6	Phường Hòa Xuân	16